**Ôn tập cuối kì 2 lớp 12**

BÀI 21. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954-1965)

\*Câu 1. Nét nổi bật nhất về tình hình chính trị ở Việt Nam sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết là

A. Hà Nội được giải phóng

B. Pháp rút quân khỏi Miền Bắc.

C. đất nước bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.

D. nhân dân hai miền tiến hành tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

\*Câu 2. Sau Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, nhiệm vụ của cách mạng nước ta là gì?

A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

B. Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

C. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

D. Tiến hành kháng chiến chống chế độ thực dân kiểu mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam.

\*Câu 3. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1954-1975 là gì?

A. Hoàn thành cải cách ruộng đất.

B. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Khôi phục kinh tế.

D. Tiếp tục cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân

\*\*Câu 4. Âm mưu cơ bản của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

A. dồn dân, lập ấp chiến lược nhằm tách nhân dân ra khỏi cách mạng.

B. tiến hành chính sách “tố cộng”, “diệt cộng”, đàn áp những người yêu nước.

C. dùng người Việt đánh người Việt.

D. dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

\*Câu 5. Bình định miền Nam trong vòng 18 tháng là nội dung của kế hoạch.

A. Giôn xơn Mác Namara.

B. Xtalây - Taylo

C. cải cách điền địa.

D. Đơ lat Đơ Tat xi nhi.

\*\*Câu 6. Bình định miền Nam trong vòng 2 năm là nội dung của kế hoạch nào?

A. Giôn xơn - Mác Namara.

B. Xtalây - Taylo.

C. Nava.

D. Đơ lat Đơ Tat xi nhi.

\*\*Câu 7. Hình thức đấu tranh chống "Chiến tranh đặc biệt" được Bộ chính trị đề ra là

A. đấu tranh vũ trang.

B. đấu tranh chính trị.

C. kết hợp đấu tranh chính trị và vũ trang.

D. phá ấp chiến lược.

\*Câu 8. Đầu năm 1955, tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch nào?

A. Tố cộng, diệt cộng trên toàn miền Nam.

B. Đả thực, Bài phong, diệt cộng.

C. Tiêu diệt cộng sản không thương tiếc.

D. Thà bắn nhầm hơn bỏ sót.

\*Câu 9. Tổng thống nào của Mỹ đề ra chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”?

A. Aixenhao B. Giôn xơn C. Kennơđi D. Rudơven

\*\*Câu 10. Miền Bắc có vai trò như thế nào đối với cách mạng cả nước từ sau kháng chiến chống Pháp?

A. Quyết định trực tiếp. B. Quyết định nhất.

C. Quan trọng nhất. D. Cơ bản nhất.

\*\*Câu 11. Vai trò của cách mạng miền Nam trong giai đoạn 1954 - 1975 là

A. quan trọng nhất. B. cơ bản nhất.

C. quyết định trực tiếp. D. quyết định nhất.

\*\*Câu 12. Hình thức đấu tranh chủ yếu của nhân dân miền Nam những ngày đầu sau hiệp định Giơnevơ là

A. đấu tranh vũ trang. B. đấu tranh chính trị.

C. khởi nghĩa giành quyền làm chủ. D. bạo lực cách mạng.

\*\*Câu 13. Trong thời kì 1954 - 1975, phong trào nào đánh dấu bước chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công?

A. Phá ấp chiến lược. B. Tìm Mĩ mà đánh lùng Ngụy mà diệt.

C. Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công. D. Đồng khởi.

\*\*\*Câu 14. Chỗ dựa trong “ Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam là gì?

A. Ấp chiến lược và cố vấn Mĩ. B. Cố vấn Mỹ và ngụy quân, ngụy quyền.

C. Ngụy quân, ngụy quyền. D. Ấp chiến lược và ngụy quân, ngụy quyền.

Câu 15. Sự kiện Pháp rút khỏi đảo Cát Bà (Hải Phòng) đánh dấu

A. miền Bắc hoàn toàn giải phóng. B. miền Nam hoàn toàn giải phóng.

C. Việt Nam tiến hành tổng tuyển cử. D. thống nhất đất nước.

\*\*\*Câu 16. Mối quan hệ của cách mạng 2 miền Nam Bắc là

A. hợp tác với nhau. B. hỗ trợ lẫn nhau.

C. gắn bó mật thiết, tác động qua lại. D. hợp tác, giúp đỡ nhau.

\*\*Câu 17. Thắng lợi nào của ta chứng tỏ sự đúng đắn của Đảng về việc chuyển hướng sử dụng bạo lực cách mạng?

A. Đồng khởi. B. Ấp Bắc. C. Bình Giã. D. Vạn Tường.

\*\*\*Câu 18: Hội nghị 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (1-1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng là do

A. không thể tiếp tục dùng biện pháp hoà bình được nữa.

B. Mĩ và chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Giơnevơ.

C. các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đã phát triển.

D. đã có lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang lớn mạnh.

\*Câu 19. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam đã mở ra cao trào “tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam?

A. Phong trào Đồng khởi

B. Chiến thắng Ấp Bắc

C. Chiến thắng Vạn Tường

D. Chiến thắng trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967

II. BÀI 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU,VỪA SẢN XUẤT (1965-1973)

\*Câu 1. Trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai của Mĩ (1966-1967), cuộc hành quân nào lớn nhất?

A. Át –tơn -bô-rơ. B. Xê-đa-phôn.

C. Gian-xơn-xi-ti. D. Ánh sáng sao.

\*\*Câu 2. Sau khi hiệp định Pari ký kết, tình hình ở miền Nam như­ thế nào?

A. Mĩ đã “cút” nh­ưng ngụy ch­ưa “nhào”.

B. Cả Mĩ Ngụy đều bị thất bại.

C. Ta đã dành thắng lợi ở Tây Nguyên.

D. Ta kết thúc thắng lợi về quân sự và ngoại giao.

\*\*Câu 3. Chiến thắng quân sự nào của ta làm phá sản về cơ bản “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc. B. Chiến thắng Bình Giã.

C. Chiến thắng Đồng Xoài. D. Chiến thắng Ba Gia.

\*Câu 4: Cuộc hành quân mang tên “Ánh sáng sao” được tiến hành trong chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. Chiến tranh đơn phương.

B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ.

D. Việt Nam hóa chiến tranh.

\*\*Câu 5. Lực lượng giữ vai trò quan trọng trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” là

A. quân đội Sài Gòn. B. quân viễn chinh Mĩ.

C. quân chư hầu. D. lính đánh thuê.

\*\*\*Câu 6. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) đã chứng tỏ

A. quân ta đã đánh bại chiến lược chiến tranh cục bộ của Mĩ.

B. bộ đội chủ lực của ta đủ khả năng đánh bại quân viễn chinh Mĩ.

C. cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

D. bộ đội chủ lực của ta đủ khả năng đánh bại quân đồng minh của Mĩ.

\*\*\*Câu 7. Đâu là ý nghĩa quan trọng nhất của Hiệp định Pari 1973?

A. Đánh cho Mĩ cút, Ngụy nhào.

B. Phá sản hoàn toàn chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mĩ.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho ngụy nhào.

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho Mĩ cút, ngụy nhào.

\*\*\*Câu 8. Đâu là ý nghĩa quan trọng nhất của trận “Điện Biên Phủ trên không”?

A. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá Miền Bắc.

B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. Đánh bại âm mưu ngăn chăn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Căm-pu-chia.

D. Buộc Mĩ ký hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

\*\*Câu 9. Thất bại trong chiến l­ược chiến tranh nào mà Mĩ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở hội nghi Pari?

A. Trong chiến tranh đặc biệt.

B. Trong chiến tranh cục bộ.

C. Trong Viêt Nam hóa chiến tranh.

D. Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

\*\*\*Câu 10. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân dân ta đã buộc Mĩ phải

A. rút khỏi chiến tranh Việt Nam, rút hết quân về nước.

B. tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược.

C. dùng thủ đoạn ngoại giao thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô để gây sức ép với ta.

D. huy động quân đội các nước đồng minh của Mĩ tham chiến.

\*\*\*Câu 11. Điểm khác nhau giữa chiến lược “chiến tranh cục bộ” và chiến lược “chiến tranh đặc biệt” là gì?

A. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

B. Sử dụng cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.

C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.

D. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm mở rộng chiến tranh trên toàn Đông Dương.

\*\*Câu 12. Chiến thắng nào được coi là “Ấp Bắc” đối với quân đội Mĩ?

A. Chiến thắng trong mùa khô 1965-1966.

B. Chiến thắng trong mùa khô 1966-1967.

C. Chiến thắng Vạn Tư­ờng (1965).

D. Chiến thắng tết Mậu Thân (1968).

\*\*\*Câu 13: Chiến thắng Vạn Tường ( 18- 8- 1965 ) đã chứng tỏ điều gì?

A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mỹ.

B. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành.

C. Quân viễn chinh Mỹ đã mất khả năng chiến đấu.

D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại “ chiến tranh cục bộ “ của Mĩ.

\*Câu 14: Ngày 06-06-1969 gắn liền với sự kiện nào trong lịch sử dân tộc ta?

A. Phái đoàn ta do Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị Pari.

B. Hội nghị cấp cao ba nưóc Đông Dương.

C. Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc lần hai.

D. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra đời.

\*\*\*Câu 15: Điểm khác nhau giữa “Chiến tranh đặc biệt” và “Việt nam hóa chiến tranh” là gì?

A. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ.

B. Có sự phối hợp đáng kể cuả lực lượng chiến đấu Mĩ.

C. Dưới sự chỉ huy cuả hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.

D. Sử dụng lực lượng chủ yếu là quân nguỵ.

\*Câu 16: Sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian:

1. Chiến thắng Vạn Tường.

2. Chiến thắng Ba Gia.

3. Chiến thắng hai mùa khô.

4. Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không.

 A. 1-2-3-4 B. 1-3-2-4 C. 2-4-3-1 D. 2-1-3-4.

\*\*Câu 17. Mĩ leo thang đến cực điểm thông qua chiến lược 12 ngày đêm cuối năm 1972 nhằm

A. kết thúc chiến tranh.

B. buộc ta thất bại và đầu hàng chúng.

C. giành một thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta ký một hiệp định có lợi cho Mĩ.

D. giành một thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta ký nhiều hiệp định có lợi cho Mĩ.

\*\*\*Câu 18. Chiến thắng nào của quân và dân ta đã trực tiếp buộc Mĩ phải kí hiệp định Pari ?

A. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

B. Trận “Điện Biên Phủ trên không”

C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

**III. BÀI 23. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở MIỂN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973-1975)**

\*\*Câu 1: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 tháng 7 năm 1973 đã nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là

A. tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

B. chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

C. hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

D. chuyển sang giai đoạn đấu tranh hòa bình để thống nhất đất nước.

\*Câu 2. Hội nghị lần thứ 21 (7 - 1973) của Đảng chủ trương đấu tranh trên những mặt trận nào?

A. Chính trị, quân sự. B. Chính trị, ngoại giao.

C. Quân sự, chính trị, ngoại giao.D.Quân sự, ngoại giao.

\*Câu 3. Chiến thắng Phước Long đã giúp Bộ Chính trị bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam với nội dung là

A. giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

B. tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa giải phóng miền Nam trong năm1976.

C. nếu thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5 - 1975).

D. đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm (1975 - 1976)..

\*Câu 4. Chiến dịch nào đã mở màn cho đại thắng mùa Xuân năm 1975?

A. Tây Nguyên. B. Trị Thiên.

C. Huế - Đà Nẵng. D. Hồ Chí Minh.

\*\*Câu 5. Thắng lợi nào đã mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỉ nguyên độc lập dân tộc, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội?

A. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

B. Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954.

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

\*\*Câu 6: Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, ngày 26 tháng 4 năm 1975 gắn liền với sự kiện nào?

A. Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu.

B. Quần đảo Trường Sa được giải phóng.

C. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

D. Miền Nam hoàn toàn giải phóng.

\*Câu 7. Bộ Chính trị có quyết định giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam trong thời gian nào?

A. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.

B. Chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn.

C. Huế - Đà Nẵng được giải phóng.

D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng đang tiếp diễn.

\*Câu 8. 10 giờ 45 phút ngày 30-4-1975, ở Sài Gòn diễn ra sự kiện gì?

A. Năm cánh quân của ta tiến vào trung tâm Sài Gòn.

B. Xe tăng và bộ binh của ta tiến vào Dinh Độc Lập.

C. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

\*Câu 9. Tinh thần “đi nhanh đến, đánh nhanh thắng’’ với khí thế “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng’’ là của chiến dịch nào trong năm 1975?

A. Chiến dịch Tây Nguyên.

B. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

D. Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

\*Câu 10. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã lần lượt trải qua các chiến dịch

A. Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

B. Huế – Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

C. Tây Nguyên, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh.

D. Đà Nẵng, Tây Nguyên, Hồ Chí Minh.

\*\*Câu 11. Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân khách quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975)?

A. Nhân dân ta nhận được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Miền Bắc hoàn thành xuất sắc vai trò nghĩa vụ hậu phương.

C. Việt Nam nhận được sự ủng hộ, cổ vũ to lớn của các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

D. Sự đoàn kết trong liên minh chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương.

\*\*\*Câu 12. Ý nào dưới đây thể hiện điểm tương đồng về nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương và Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam?

A. Các bên thừa nhận thực tế miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

B. Hiệp định có sự tham gia của năm cường quốc trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

C. Thỏa thuận các bên ngừng bắn để thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.

D. Các nước đều cam kết tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

\*\*\*Câu 13. Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước?

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

D. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

\*\*Câu 14. Ý nghĩa cơ bản nhất của chiến dịch Tây Nguyên là gì?

A. Nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

B. Tinh thần địch hốt hoảng mất khả năng chiến đấu.

C. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

D. Là thắng lợi lớn nhất của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

\*\*\*Câu 15. Ý nghĩa cơ bản nhất trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta là gì?

A. Chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất nước nhà.

B. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C. Tạo điều kiện cho Lào và Campuchia giải phóng đất nước.

D. Mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

\*Câu 16. Đỉnh cao của đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân 1974 - 1975 là

A. Loại khỏi vòng chiến đấu 5000 tên địch.

B. Chiến thắng đường 14 - Phước Long.

C. Mở rộng vùng giải phóng.

D. Giải phóng hoàn toàn đất nước.

\*\*Câu 17. Hoàn cảnh lịch sử thuận lợi nhất để Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam là gì?

A. Quân Mĩ đã rút khỏi miền Nam, ngụy mất chỗ dựa.

B. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

C. Khả năng chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam.

D. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

\*\*\*Câu 18: Ý nào dưới đây thể hiện tính nhân văn của kế hoạch giải phóng miền Nam?

A. Trong năm 1945 tiến công địch trên quy mô rộng lớn để nhanh chóng giải phóng miền Nam

B. Năm 1976, tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn miền Nam

C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng Miền Nam trong năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa….giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

\*\*Câu 19. Sự kiện nào đánh dấu cuộc kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi?

A. Đại thắng mùa Xuân năm 1975

B. Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam

C. Mĩ làm lễ cuốn cờ và rút về nước

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968

\*Câu 22. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam trong năm 1975 đã đưa cuộc tiến công chiến lược lên thành cuộc tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam?

A. Chiến thắng Phước Long

B. Chiến dịch Tây Nguyên

C. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh

\*\*Câu 23. Sự kiện lịch sử nào đã mở ra kỉ nguyên độc lập tự do của dân tộc Việt Nam?

A. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

B. Cách mạng tháng Tám thành công.

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ.

D. Đại thắng mùa xuân Năm 1975.

**GIAI ĐOẠN 1975 – 2000 (Bài 24 và bài 26)**

**Câu hỏi nhận biết.**

Câu 1: Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của Việt Nam là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.

B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam.

C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.

D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2:Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, cách mạng ở hai miền Nam – Bắc Việt Nam có thuận lợi cơ bản là

A. các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ nước ta.

B. đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

C. cách mạng xã hội chủ nghĩa đạt được những thành tựu to lớn.

D. cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mĩ chấm dứt.

Câu 3: Sau đại thắng mùa Xuân 1975, khó khăn lớn nhất về chính trị của Việt Nam là gì?

A. Miền Nam đã giải phóng nhưng những di hại của xã hội cũ vẫn tồn tại.

B. Hai miền Nam – Bắc vẫn tồn tại hai hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

C. Chiến tranh kết thúc nhưng đất nước vẫn gánh chịụ những hậu quả nặng nề.

D. Số người thất nghiệp lên tới hàng triệu người.

Câu 4: Nguyện vọng tha thiết nhất của nhân dân hai miền Nam – Bắc Việt Nam sau năm 1975 là

A. sớm được sum họp trong một đại gia đình, có một chính phủ thống nhất.

B. giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

C. hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế.

D. đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 5:Sự kiện nào biểu hiện quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước Việt Nam sau 1975?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu hai miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11-1975).

B. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kì họp đầu tiên (24-6 đến 02-07-1976).

C. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25 - 04 - 1976).

D. Đại hội lần thứ nhất Mặt trận tổ quốc Việt Nam (31/1 đến 4/2/1977).

Câu 6: Ngày 25 - 04 - 1976 đã diễn ra sự kiện **nào** ở Việt Nam?

A. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất.

B. Cuộc Tổng tuyển cử của cả nước lần thứ nhất.

C. Cuộc Tổng tuyển cử của cả nước lần thứ hai.

D. Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước.

Câu 7:Tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời trong thời điểm lịch sử nào?

A. Trong Tuyên ngôn độc lập (02 - 09 - 1945).

B. Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975)

C. Kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI (7/1976)

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976)

Câu 8:Ngày 2 tháng 7 năm 1976 gắn với sự kiện lịch sử nào của Việt Nam?

A. Hội nghị hiệp thương chính trị hai miền Nam – Bắc.

**B.** Ngày nước ta lấy tên là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

C. Nước ta được công nhận là thành viên của Liên hợp quốc.

D. Trở thành thành viên của tổ chức ASEAN.

Câu 9: Ngày 20 – 09 – 1977 Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức quốc tế nào sau đây?

A. WTO B. Liên hợp quốc C. APEC D. ASEM

Câu 10: Từ ngày 15 đến ngày 21 – 11- 1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước tại Sài Gòn đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?

A. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

B. Nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

C. Lấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

D. Việc mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

Câu 11: Nội dung nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến công cuộc đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986?

A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

B. Nửa triệu hecta ruộng đất bị bỏ hoang.

C. Đời sống nhân dân không ổn định.

D. Kinh tế mất cân đối, lạm phát tăng.

Câu 12: Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?

A. Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1985.

B. Từ ngày 10 đến ngày 18/12/1986.

C. Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986.

D. Từ ngày 20 đến ngày 25/12/1986.

Câu13: Mục tiêu Ba chương trình kinh tế “lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu” được đề ra tại Đại hội Đảng nào?

A. Đại hội IV

B. Đại hội V

C. Đại hội VI

D. Đại hội VII

Câu 14: Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam tháng 12 năm 1986 là

A. đổi mới về kinh tế, văn hóa, chính trị, ngoại giao.

B. đổi mới về kinh tế chính trị, văn hóa, tư tưởng.

C. đổi mới về kinh tế, tổ chức, tư tưởng, ngoại giao.

D. đổi mới về kinh tế, chính trị, tổ chức, tư tưởng, văn hóa.

Câu 15: Đại hội nào của Đảng cộng sản Việt Nam đi vào lịch sử là Đại hội đổi mới toàn diện?

A. Đại hội IV (12/1976)

B. Đại hội V (3/1982)

C. Đại hội VI (12/1986)

D. Đại hội VII (6/1991)

Câu 16: Trong những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước năm 1986, thành tựu nào quan trọng nhất?

A. Thực hiện được mục tiêu 3 chương trình kinh tế.

B. Phát triển kinh tế đối ngoại.

C. Kiềm chế được lạm phát.

D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 17: Theo quan điểm của Đại hội VI, nhiệm vụ và mục tiêu của chặng đường đầu tiên trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam là gì?

A. Tăng trưởng và phát triển kinh tế nhiều thành phần.

B. Giải quyết 3 chương trình, mục tiêu kinh tế.

C. Ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

D. Ổn định kinh tế - chính trị - xã hội.

Câu 18. Trong lĩnh vực đổi mới về kinh tế, Đảng cộng sản Việt Nam lấy yếu tố nào làm mặt trận hàng đầu?

A. Nông nghiệp.

B. Phát triển thương nghiệp.

C. Phát triển công nghiệp nhẹ

D. Phát triển công nghiệp nặng.

Câu 19: Nội dung đường lối đổi mới toàn diện của Đảng cộng sản Việt Nam là

A. trước hết đổi mới về tư duy kinh tế.

B. đổi mới về tổ chức, đội ngũ cán bộ, phong cách lãnh đạo và công tác của Đảng.

C. đổi mới về tư tưởng.

D. cả A và B.

Câu 20: Từ năm 1986 – 1989 những mặt hàng xuất khẩu nào có giá trị lớn ở Việt Nam?

A. Gạo, dầu thô.

B. Gạo, thủy sản.

C. Hàng dệt may, da giầy.

D. Dầu thô, cà phê.

**Câu hỏi thông hiểu**

Câu 21:Khó khăn lớn nhất của miền Bắc Việt Nam sau năm 1975 là gì?

A. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.

B. Những di hại của xã hội cũ vẫn còn tồn tại.

C. Số người thất nghiệp lên tới hàng triệu người.

D. Hậu quả chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ.

Câu 22:Khó khăn cơ bản nhất của miền Nam Việt Nam sau năm 1975 là gì?

A. Bọn phản động trong nước còn tồn tại.

B. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.

C. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỉ lệ cao.

D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ để lại rất nặng nề.

Câu 23:Đâu **không** phải là khó khăn của miền Nam Việt Nam sau năm 1975?

A. Hậu quả nặng nề của chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân.

B. Nhiều làng mạc ruộng đồng bị tàn phá.

C. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỉ lệ cao.

D. Cơ sở của chính quyền cũ còn tồn tại ở một số địa phương.

Câu 24: Lý do phải tiến hành Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước sau 1975 ở Việt Nam

A. theo điều khoản của Hiệp định Giơnevơ cuộc hiệp thương tổng tuyển cử phải diễn ra.

B. theo điều khoản quy định của Hiệp định Pari.

C. đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai miền.

D. Tổ quốc Việt Nam đã thống nhất về mặt lãnh thổ nhưng ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

Câu 25: Đâu **không** phải là nội dung của kì họp thứ nhất Quốc hội khóa VI của Đảng cộng sản Việt Nam?

A. Đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

B. Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài “Tiến quân ca”.

C. Lấy tên nước là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

D. Sài Gòn - Gia Định đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 26: Đâu **không** phải là ý nghĩa của việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước (1975 -1976)?

A. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ tổ quốc tiến lên chủ nghĩa xã hội.

B. Đánh dấu sự hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác.

D. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.

Câu 27: Nội dung nào **không** phải là ý nghĩa của cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội ở Việt Nam (25- 04 - 1976)?

A. Là bước quan trọng cho sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

B. Kết quả thắng lợi của 30 năm chiến tranh giữ nước (1945 – 1975).

C. Lần thứ 2 cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước.

D. Lần đầu tiên nhân dân cả nước được hưởng quyền bầu cử.

Câu 28: Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội ở Việt Nam (1976 – 1985) là

A. hậu quả nặng nề của chiến tranh để lại.

B. lực lượng sản xuất còn nhỏ bé, cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu.

C. sai lầm về chủ trương chính sách, chỉ đạo chiến lược và tổ chức của nhà nước.

D. trình độ khoa học và công nghệ còn hạn chế, chưa thích ứng với xu thế chung của thế giới.

Câu 29:Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đặt ra yêu cầu gì đối với Đảng và Nhà nước Việt Nam sau năm 1975?

A. Bắt kịp bước phát triển của khoa học – kĩ thuật tiên tiến của thời đại.

B. Đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

C. Điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp.

D.Thay đổi theo xu thế chung của thế giới.

Câu 30: Chủ trương đổi mới về kinh tế của Đại hội Đảng lần thứ VI (12/1986) là gì?

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước.

Câu 31: Đường lối đổi mới của Đảng(12/1986) được hiểu như thế nào là đúng?

A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

B. Đổi mới không phải thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

C. Đổi mới là thay đổi về nội dung của chủ nghĩa xã hội.

D. Đổi mới là không thay đổi về hình thức, bước đi của chủ nghĩa xã hội.

Câu 32: Quan điểm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đảng VI?

A. Đổi mới về chính trị - văn hóa.

B. Đổi mới về kinh tế - chính trị.

C. Đổi mới về kinh tế - văn hóa.

D. Đổi mới về văn hóa - tư tưởng.

Câu 33: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà phải là

A. làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

B. làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.

C. làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.

D. làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 34: Điểm **không đúng** về hạn chế của công cuộc đổi mới ở Việt Nam là

A. nền kinh tế mất cân đối, lạm phát.

B. chế độ tiền lương bất hợp lý.

C. lao động thiếu việc làm.

D. làm ăn phi pháp được ngăn chặn.

Câu 35: Điểm nổi bật của công cuộc đổi mới ở Việt Nam là

A. luôn lấy sự ổn định chính trị - xã hội làm hàng đầu.

B. tiến hành công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

C. thực hiện chính sách công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo.

D. đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm.

Câu 36: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là của ai?

A. phản ánh đúng ý chí nguyện vọng của nhân dân.

B. tiếp thu ý kiến của nhân dân, công khai và minh bạch.

C. của dân, do dân, vì dân, quyền lực thuộc về nhân dân.

D. phát huy nguồn lực từ sự đoàn kết toàn dân.

**Câu hỏi vận dụng**

Câu 37:Một trong những đặc điểm cơ bản của kinh tế miền Nam sau giải phóng là

A. phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

B. áp dụng khoa học – kỹ thuật vào sản xuất.

C. kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ và phân tán.

D. phát triển theo hướng công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Câu 38: Hãy sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian:

1. Kì họp đầu tiên Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất.

2. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước.

3. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước.

A. 1,2,3 B. 3,2,1 C. 2,3,1 D. 1,3,2

Câu 39: Mục tiêu cơ bản nhất của việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước ở Việt Nam là

A. tăng cường khả năng quốc phòng an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại.

B. tạo cơ sở cho việc huy động nguồn vốn từ bên ngoài.

C. nhanh chóng ổn định, phát triển kinh tế.

D. phát triển đất nước, hội nhập quốc tế.

Câu 40:Bức ảnh dưới đây phản ánh sự kiện nào của lịch sử Việt Nam từ 1975 - 1976?



A. Nhân dân thành phố Huế bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội khóa VI.

B. Bầu cử Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

C. Nhân dân thành phố Huế quyên góp ủng hộ “Tuần lễ vàng”.

D. Bầu cử quốc hội khóa III ở thủ đô Hà Nội.

Câu 41: Kì họp thứ I Quốc hội khóa VI có những quyết định nào liên quan đến việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

A. Quyết định tên nước, xác định Hà Nội là thủ đô của cả nước, bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của cả nước.

B. Quy định quốc huy mang dòng chữ *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

C. Đổi tên thành phố Sài Gòn – Gia Định là thành phố Hồ Chí Minh.

D. Quyết định thành lập các cấp chính quyền ở địa phương.

Câu 42:Yếu tố cơ bản nhất của thế giới tác động đến chủ trương đổi mới đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986)?

A. Tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa.

B. Xu thế hòa hoãn Đông – Tây từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX.

C. Sự vươn lên mạnh mẽ về kinh tế của Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.

D. Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978.

Câu 43:Sai lầm khuyết điểm nào nghiêm trọng, kéo dài nhất chưa được sửa đổi sau 10 năm tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa (1976 – 1985)?

A. Nóng vội, chủ quan, tư tưởng chậm thay đổi.

B. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp còn nặng nề phổ biến.

C. Mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội vẫn chưa thực hiện được.

D. Không bắt kịp bước phát triển của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

Câu 44: Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI (12/1986) xác định mục tiêu hướng tới của Việt Nam là gì?

A. Làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh.

B. Làm cho dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

C. Xây dựng nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn.

D. Xây dựng Việt Nam dân chủ và giàu mạnh.

Câu 45: Tại sao trong thực hiện đường lối đổi mới Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng đổi mới kinh tế?

A. Kinh tế là nền tảng, là cơ sở tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia.

B. Tạo ra khả năng phát triển đất nước.

C. Vật chất quyết định mọi vấn đề khác.

D. Tạo ra bước đi vững chắc cho đất nước.

Câu 46: Một trong những ý nghĩa nổi bật và bao trùm của Đại hội Đảng lần VI (12/1986) là

A. Đại hội “trí tuệ - dân chủ - đoàn kết và đổi mới”.

B. Đại hội kế thừa và quyết tâm đổi mới.

C. mở ra một giai đoạn phát triển mạnh mẽ mới của lịch sử cách mạng Việt Nam.

D. đã tìm ra lối thoát cho [cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Cu%E1%BB%99c_kh%E1%BB%A7ng_ho%E1%BA%A3ng_kinh_t%E1%BA%BF_x%C3%A3_h%E1%BB%99i&action=edit&redlink=1).

Câu 47: Bản chất của đường lối đổi mới về chính trị của Đảng tại Đại hội VI (12/1986) là

A. đổi mới về đường lối lãnh đạo và tổ chức của Đảng.

B. đổi mới về tổ chức, cán bộ, phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị.

C. đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.

D. thực hiện đoàn kết dân tộc.

**Câu hỏi vận dụng cao**

Câu 48:Nhận xét nào dưới đây là **đúng** nhất đối với công cuộc đổi mới đất nước của Đảng và Nhà nước ta trước những biến động của tình hình thế giới?

A. Phản ánh đúng yêu cầu của thực tiễn lịch sử nửa cuối những năm 80 của thế kỉ XX.

B. Thúc đẩy mối quan hệ giao lưu, hợp tác phát triển kinh tế với các nước ASEAN.

C. Đáp ứng yêu cầu chung trong quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực.

D. Phù hợp với xu thế hòa hoãn Đông – Tây trong quan hệ quốc tế.

Câu 49: Chọn một câu trả lời **đúng** nhất để điền vào chỗ trống hoàn thiện đoạn tư liệu nói về thành tựu của miền Bắc sau 20 năm tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa (1954 – 1975):

*“Trải qua hơn 20 năm (1954 – 1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu (a) và (b), đã xây dựng được những cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.” (Lịch sử 12- NXBGD năm 1995, tr 199)*

A. a. to lớn, b. toàn diện.

B. a. cơ bản, b. toàn diện.

C. a. nổi bật, b. quan trọng.

D. a. to lớn, b. nổi bật.

Câu 50: Chọn một câu trả lời **đúng** nhất để điền vào chỗ trống về nhận định sau:

“*Đảng và nhà nước ta tiến hành đổi mới tháng 12/1986 là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội nước ta, là sự (a) với (b) của thời đại”.*

A. a. đúng đắn, b. phù hợp.

B. a. phù hợp, b. xu thế chung.

C. a. sáng tạo, b. xu thế chung.

D. a. đúng đắn, b. xu thế chung.

Câu 51: Đường lối đổi mới của Đảng ta năm 1986 dựa trên nguyên lý nào?

A. Chủ nghĩa Mác - Lênin.

B. Chủ nghĩa Mác - Ăngghen - Lênin.

C. Tư tưởng Hồ Chí Minh.

D. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Câu 52: Một trong những bài học kinh nghiệm mà Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng trong công cuộc đổi mới đất nước là

A. kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

B. tôn trọng quy luật phát triển khách quan của lịch sử.

C. nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức, tư tưởng của Đảng.

D. tư tưởng lấy dân làm gốc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Câu 53: Đại hội VI được Đảng Cộng sản Việt Nam đánh giá như thế nào?

A. Khắc phục khủng hoảng và tìm mọi cách đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

B. Chuẩn bị những tiền đề cần thiết để Đảng ta đưa ra đường lối đổi mới.

C. Đã thực sự mở ra một bước ngoặt trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

D. Tạo tiền đề cho giai đoạn phát triển mới công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Câu 54: Điểm khác về đường lối đổi mới của Việt Nam, Trung Quốc so với đường lối đổi mới của Liên Xô?

A. Đều do sự lãnh đạo của Đảng.

B. Đa nguyên, đa đảng chính trị.

C. Do đảng khởi xướng và lãnh đạo.

D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

.